ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ

Câu 1: Chất nào sau đây được cấu tạo từ các nguyên tố hoá học C,H,O,N,P?
A. Prôtêin
B. Axit nuclêic
C. Photpholipit
D. Axit béo

Câu 2: Axit nuclêic bao gồm những chất nào sau đây ?
A. ADN và ARN
B. Prôtêin và ADN
C. ARN và Prôtêin
D. ADN và lipit

Câu 3: Đặc điểm chung của ADN và ARN là
A. cấu trúc một mạch
B. cấu trúc hai mạch
C. cấu tạo từ các đơn phân axit amin
D. có cấu tạo đa phân

Câu 4: Đơn phân cấu tạo của phân tử ADN là
A. a xit amin
B. polinuclêotit
C. nuclêotit
D. ribônuclêôtit

Câu 5: Các thành phần cấu tạo của mỗi Nuclêotit là
A. đường , axit và Prôtêin
B. đường , bazơ nitơ và axit
C. axit,Prôtêin và lipit
D. lipit, đường và Prôtêin

Câu 6: Trong cấu trúc đơn phân của ADN có loại axit nào?
A. Photphoric
B. Sunfuric
C. Clohidric
D. Nitơric

Câu 7: Đường tham gia cấu tạo phân tử ADN là
A. glucôzơ
B. xenlulôzơ
C. đêôxiribôzơ
D. saccarôzơ

Câu 8: ADN được cấu tạo từ bao nhiêu loại đơn phân ?
A. 3 loại
B. 4 loại
C. 5 loại
D. 6 loại

Câu 9: Các loại Nuclêotit trong phân tử ADN là
A. ađênin, uraxin, timin và guanin
B. uraxin, timin, Ađênin, xi tôzin và guanin
C. guanin,xitôzin ,timin và Ađênin
D. uraxin,timin,xi tôzin và Ađênin

Câu 10: Đặc điểm cấu tạo của phân tử ADN là
A. có một mạch pôlinuclêôtit
B. có hai mạch pôlinuclêôtit
C. có ba mạch pôlinuclêôtit
D. có một hay nhiều mạch pôlinuclêôtit

LIVEWORKSHEETS

Câu 11: Chức năng của ADN là

A. cung cấp năng lượng cho hoạt động tế bào
B. bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền
C. trực tiếp tổng hợp Prôtêin
D. là thành phần cấu tạo của màng tế bào

Câu 12: Trong phân tử ADN, liên kết hiđrô có tác dụng

A. liên kết giữa đường với axit trên mỗi mạch
B. nối giữa đường và ba zơ trên 2 mạch lại với nhau
C. tạo tính đặc thù cho phân tử ADN
D. liên kết 2 mạch polinuclêotit lại với nhau

Câu 13: Đặc điểm cấu tạo của ARN khác với ADN là

A. đại phân tử , có cấu trúc đa phân
B. có liên kết hiđrô giữa các nuclêôtit
C. có cấu trúc một mạch
D. được cấu tạo từ nhiều đơn phân

Câu 14: Loại ba zơ ni tơ nào sau đây chỉ có trong ARN mà không có trong ADN ?

A. Ađênin
B. Uraxin
C. Guanin
D. Xitôzin

Câu 15: Số loại ARN trong tế bào là

A. 2 loại
B. 3 loại
C. 4 loại
D. 5 loại

Câu 16: mARN là kí hiệu của loại ARN nào sau đây?

A. ARN thông tin
B. ARN vận chuyển
C. ARN ribô xôm
D. Các loại ARN

Câu 17: Chức năng của ARN thông tin là

A. qui định cấu trúc của phân tử prôtêin
B. tổng hợp phân tử ADN
C. truyền thông tin di truyền từ ADN đến ribôxôm
D. quy định cấu trúc đặc thù của ADN

Câu 18: Chức năng của ARN vận chuyển là

A. vận chuyển các nguyên liệu để tổng hợp các bào quan
B. chuyên chở các chất bài tiết của tế bào
C. vận chuyển axít a min đến ribôxôm
D. truyền thông tin di truyền

Câu 19: Là thành phần cấu tạo của một loại bào quan là chứuc năng của loại ARN nào sau đây ?

A. ARN thông tin
B. ARN ribôxôm
C. ARN vận chuyển
D. Tất cả các loại ARN

LIVEWORKSHEETS

Câu 20: Điểm giống nhau giữa các loại ARN trong tế bào là

A. đều có cấu trúc một kép

B. đều có vai trò trong quá trình tổng hợp nên riboxom

C. đều được tạo từ khuôn mẫu trên phân tử ADN

D. đều có vai trò làm khuôn cho dịch mã

Câu 21: Kí hiệu của các loại ARN thông tin , ARN vận chuyển , ARN ribôxôm lần lượt là

A. tARN,rARN và mARN

B. mARN,tARN vàrARN

C. rARN, tARN và mARN

D. mARN,rARN và tARN

Câu 22: Khi nói về ARN, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong các ARN không có chứa ba zơ nitơ loại timin

B. Các loại ARN đều có chứa 4 loại đơn phân A,T,G,X

C. ARN vận chuyển là thành phần cấu tạo của ribôxôm

D. tARN là kí hiệu của phân tử ARN thông tin

Câu 23: Khi nói về ARN, phát biểu nào sau đây **sai**?

A. ADN và ARN đều là các đại phân tử

B. Trong tế bào có 2 loại axist nuclêic là ADN và ARN

C. Kích thước phân tử của ARN lớn hơn ADN

D. Đơn phân của ADN và ARN đều gồm có đường , axit, ba zơ ni tơ

Câu 24: Điều **không** đúng khi nói về phân tử ARN là

A. có cấu tạo từ các đơn phân ribônuclêôtit

B. thực hiện các chức năng trong tế bào chất

C. đều có vai trò trong tổng hợp prôtêin

D. gồm 2 mạch xoắn

Câu 25: Trình tự các giai đoạn mà tế bào trải qua trong khoảng thời gian giữa hai lần nguyên phân liên tiếp được gọi là

A. quá trình phân bào

C. phát triển tế bào

B. chu kỳ tế bào

D. phân chia tế bào

Câu 26: Trong một chu kỳ tế bào, thời gian dài nhất là của

A. Kì cuối

C. Kỳ đầu

B. Kỳ giữa

D. Kỳ trung gian

Câu 27: Trong 1 chu kỳ tế bào, kỳ trung gian được chia làm

A. 1 pha

C. 3 pha

B. 2 pha

D. 4 pha

Câu 28: Hoạt động xảy ra trong pha G_1 của kỳ trung gian là

A. sự tổng hợp thêm tế bào chất và bào quan

B. trung thể tự nhân đôi

C. ADN tự nhân đôi

D. nhiễm sắc thể tự nhân đôi

LIVEWORKSHEETS

Câu 29: Các nhiễm sắc thể tự nhân đôi ở pha nào sau đây của kỳ trung gian?

A. Pha G_1 C. Pha G_2

B. Pha S D. Pha G1 và pha G_2

Câu 30: Thứ tự lần lượt trước - sau của tiến trình 3 pha ở kỳ trung gian trong một chu kỳ tế bào là :

A. G_2,G_2,S C. S,G_2,G_1

B. S,G_1,G_2 D. G_1,S,G_2

Câu 31: Nguyên nhân là hình thức phân chia tế bào không xảy ra ở loại tế bào nào sau đây ?

A. Tế bào vi khuẩn C. Tế bào thực vật

B. Tế bào động vật D. Tế bào nấm

Câu 32: Quá trình phân chia nhân trong một chu kì nguyên phân bao gồm

A. một kỳ C. ba kỳ

B. hai kỳ D. bốn kỳ

Câu 33: Thứ tự nào sau đây được sắp xếp đúng với trình tự phân chia nhân trong nguyên phân ?

A. Kỳ đầu, kỳ sau, kỳ cuối, kỳ giữa

B. Kỳ sau, kỳ giữa, kỳ đầu, kỳ cuối

C. Kỳ đầu, kỳ giữa, kỳ sau, kỳ cuối

D. Kỳ giữa, kỳ sau, kỳ đầu, kỳ cuối

Câu 34: Kỳ trước là kỳ nào sau đây ?

A. Kỳ đầu C. Kỳ sau

B. Kỳ giữa D. Kỳ cuối

Câu 35: Hiện tượng sau đây xảy ra ở kỳ cuối là

A. nhiễm sắc thể phân li về cực tế bào

B. màng nhân và nhân con xuất hiện

C. các nhiễm sắc thể bắt đầu co xoắn

D. các nhiễm sắc thể ở trạng thái kép

Câu 36: Hiện tượng dãn xoắn nhiễm sắc thể xảy ra vào

A. kỳ giữa C. kỳ sau

B. kỳ đầu D. kỳ cuối

Câu 37: Hiện tượng không xảy ra ở kỳ cuối là

A. thoi phân bào biến mất

B. các nhiễm sắc thể đơn dãn xoắn

C. màng nhân và nhân con xuất hiện

D. nhiễm sắc thể tiếp tục nhân đôi

Câu 38: Loại phân tử có chức năng truyền thông tin từ ADN tới riboxom và được dùng như khuôn tổng hợp nên protein là

A. AND. B. rARN. C. mARN. D. tARN.

LIVEWORKSHEETS

Câu 39: Loại ARN được dùng là khuôn để tổng hợp prôtêin là

A. mARN.

B. tARN.

C. rARN.

D. pARN.

Câu 40: Cấu trúc mang và truyền đạt thông tin di truyền là

A. protein.

B. ADN.

C. mARN.

D. rARN.

Câu 41: Chu kỳ tế bào bao gồm các pha theo trình tự ?

A. G_1, G_2, S, nguyên phân.

B. G_1, S, G_2, nguyên phân .

C. S, G_1, G_2, nguyên phân.

D. G_2, G_1, S, nguyên phân.

Câu 42: Sự kiện nào dưới đây ***không*** xảy ra trong các kì nguyên phân?

A. Tái bản AND.

B. Phân ly các nhiễm sắc tử chị em.

C. Tạo thoi phân bào.

D. Tách đôi trung thể.

Câu 43: Trong nguyên phân, tế bào thực vật phân chia chất tế bào bằng cách

A. tạo vách ngăn ở mặt phẳng xích đạo.

B. kéo dài màng tế bào.

C. thắt màng tế bào lại ở giữa tế bào.

D. cả A, B, C.

Câu 44: Sự phân chia vật chất di truyền trong quá trình nguyên phân thực sự xảy ra ở kỳ

A. đầu.

B. giữa.

C. sau.

D. cuối.

Câu 45: Trong quá trình nguyên phân, sự phân chia nhân được thực hiện nhờ

A. màng nhân.

B. nhân con.

LIVEWORKSHEETS

C. trung thể.

D. thoi vô sắc.

Câu 46: Quá trình giảm phân xảy ra ở

A. tế bào sinh dục .

B. tế bào sinh dưỡng.

C. hợp tử.

D. giao tử.

Câu 47: Từ một tế bào qua giảm phân sẽ tạo ra số tế bào con là

A. 2.

B. 4.

C. 6.

D. 8.

Câu 48: Kết thúc giảm phân II, mỗi tế bào con có số NST so với tế bào mẹ ban đầu là

A. tăng gấp đôi.

B. bằng .

C. giảm một nửa.

D. ít hơn một vài cặp.

Câu 49: Quá trình truyền đạt thông tin di truyền trên ADN được thực hiện thông qua

A. các hình thức phân chia tế bào.

B. sự trao đổi chất và năng lượng của tế bào.

C. quá trình hô hấp nội bào.

D. quá trình đồng hoá.

Câu 50: Kết thúc giảm phân I, mỗi tế bào con có số NST so với tế bào mẹ ban đầu là

A. tăng gấp đôi.

B. bằng .

C. giảm một nửa.

D. ít hơn một vài cặp.

LIVEWORKSHEETS